

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**Bản án số: 37/2021/HS-ST.
Ngày: 29/4/2021.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thành và Ông Phan Vũ Anh Kiệt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Song Yên – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 4 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Làm nông, Hòn non bộ (Cây kiểng); Trình độ học vấn: 06/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1950 và Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960.

Vợ: Không có (Sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Thu H (G.ph - H), sinh năm 1970)

Con: Không có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã La Gi (Có mặt).

2. Nguyễn Thị Thu H (Tên gọi khác: G ph, H), sinh năm 1970, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, Bình Thuận.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam;

Con Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1951 và Bà Đặng Thị L2; Sinh năm: 1952.

Chồng: Lê Văn N (đã ly hôn); Hiện sống chung như vợ chồng với Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993.

Con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thị xã La Gi (Có mặt).

*** Bị hại:** 1. Vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1972; bà Ngô Thị H (G, T), sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt);

2. Vợ chồng ông Trần Minh T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu phố 8, P. P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; bà Nguyễn Thị Thanh Nh, (Bé T1), sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt);

3. Vợ chồng ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1984; bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt);

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** 1. Ông Lê Minh P (T2), sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

2. Ông Lê Thanh N1 (T.A), sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

*** Người làm chứng:** Bà Đặng Thị L2, sinh năm 1952. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu H cùng Nguyễn Văn Đ cả hai chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn). Vào khoảng tháng 02/2020, Được nằm mơ trúng 02 tờ vé số độc đắc Đài Bình Thuận, Đ kể lại cho H nghe và nói phải đi cầu khẩn cúng

tạ ơn trên mới trúng số thật. Ngày 22/02/2020 (tức 29/01/2020 âm lịch), H về nhà mẹ đẻ là bà Đặng Thị L2 (ở Thôn T, xã T, thị xã L) để ăn đám giỗ, H nói với bà L2: “Đ và H trúng 02 tờ vé số giải độc đắc trị giá 4.000.000.000 đồng, trừ thuế còn 3.600.000.000 đồng”. Nghe vậy, trong lúc đám giỗ bà L2 kể lại cho các con trong gia đình nghe, gồm: Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Thanh Nh, và sau này kể cho Nguyễn Thị Thanh V (tất cả đều là em ruột của H) việc Đ và H trúng 02 tờ vé số độc đắc.

Ăn giỗ xong H về lại phòng trọ tại thôn H, xã T, thị xã L (nơi Đ và H chung sống), tại đây H nói với Đ “em lỡ miệng nói với gia đình trúng số thật rồi”, Đ nói với H lỡ nói rồi thì nói trúng số thật luôn đi (mục đích là để vay mượn tiền rồi chiếm đoạt), nghe Đ nói vậy H đồng ý.

Sau đó, vợ chồng N, L và Nh lần lượt đến phòng trọ của Đ và H chơi đồng thời hỏi việc trúng số thật không, lúc này cả Đ và H đều xác nhận là trúng số thật. Đ nói tiền trúng số hiện đang chôn dưới đất ở góc trong buồng ngủ có lớp xi măng mới trám lên nhưng giờ ơn trên chưa cho lấy ra, đợi khi nào cúng kính xong mới lấy ra tiêu xài được, lúc này H cũng chỉ cho mọi người thấy lớp xi măng mới trám trong buồng để tạo lòng tin là Đ và H trúng số thật. Tuy nhiên, hiện tại do Đ và H chưa có tiền để cúng ơn trên nên hỏi mượn tiền của N, L, Nh để đi cúng bái, khi nào lấy được tiền trúng số sẽ hoàn trả số tiền đã mượn và cho mỗi người một số tiền để mua đất, xây nhà, mua xe, trả nợ.

Khoảng gần một tháng sau, Đ và H tiếp tục nói cho N, L, Nh và V biết mình (Đ, H) trúng thêm 08 tờ vé số độc đắc nữa, tiền trúng thưởng hiện đã lấy về rồi nhưng do chưa cúng tạ ơn trên nên chưa đem ra xài được, đang chôn tại ngã ba Núi Đ thuộc xã T; Nghe vậy N, L, Nh và V hỏi lại H có đúng không thì H xác nhận đúng. Để tạo thêm lòng tin của mọi người, đến khoảng tháng 04/2020 (tức khoảng tháng 03/2020 âm lịch), Đ và H dàn cảnh bị vong hồn đứa con đã mất của vợ chồng L nhập vào người H, lúc này Đ giả bị Thần Thánh nhập vào làm phép xuất hồn trước sự chứng kiến của N, L, Nh và V. Ngoài ra, Đ còn dẫn N đi xem khu đất ở thôn H, xã T, và hứa sẽ mua cho N miếng đất này, thậm chí dẫn vợ chồng N đi cúng ở nhiều nơi, làm cho N, L, Nh và V hoàn toàn tin tưởng vào việc Đ và H trúng số là có thật.

Từ tháng 02/2020 đến tháng 6/2020 Đ và H đã mượn và chiếm đoạt của N, L, Nh và V tổng số tiền 453.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu đồng) sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân cụ thể như sau:

Đ và H chiếm đoạt nhiều lần (21 lần) của vợ chồng Nguyễn Thanh N với tổng số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), trong đó lần ít nhất 1.000.000 đồng, lần nhiều nhất 4.000.000 đồng, Đ là người nhận tiền của N ở nhiều địa điểm trong xã T (tại quán cà phê, tại nhà N, Resort Đất Lành...); H trực tiếp nhận tiền của N 02 lần, một lần 2.000.000 đồng và một lần 4.000.000 đồng.

Cũng tại các địa điểm nêu trên, Đ và H chiếm đoạt nhiều lần (10 lần) của vợ chồng Nguyễn Thanh L với tổng số tiền 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng), trong đó lần ít nhất 2.000.000 đồng, lần nhiều nhất 40.000.000 đồng;

Chiếm đoạt của vợ chồng Nguyễn Thị Thanh Nh nhiều lần (37 lần) tổng số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng), trong đó lần ít nhất 1.500.000 đồng (mười lăm triệu đồng), lần nhiều nhất 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng);

Và chiếm đoạt 02 lần của Nguyễn Thị Thanh V với tổng số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), trong đó lần thứ nhất 16.000.000 đồng, lần thứ hai là 2.000.000 đồng.

Trong quá trình nhận tiền từ N, L, Nh và V, Đ và H đều thỏa thuận từ trước, sau khi chiếm đoạt được số tiền trên của các bị hại, Đ sử dụng 2/3 số tiền đã chiếm đoạt vào mục đích đi cúng ở các Miếu ven đường quốc lộ và tiêu xài, 1/3 số tiền còn lại H sử dụng vào việc tiêu xài chung. Trong đó sau khi chiếm đoạt được 40.000.000 đồng của L, H đưa cho con trai Lê Minh P 20.000.000 đồng để P làm đám cưới nhưng P không biết số tiền này do H phạm tội mà có.

Đến khoảng tháng 06/2020, do đợi lâu ngày không thấy Đ và H lấy tiền trúng số trả lại cho mình nên N, Nh, L và V đã nghi ngờ và liên tục đòi nợ. Do đã tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt, không còn khả năng trả nợ nên Đ và H tìm mọi cách trì hoãn kéo dài thời gian. Đ bàn với H đến chợ La Gi mua tiền âm phủ về, Đ lấy giấy và băng keo gói số tiền âm phủ lại thành từng cọc che chữ “Ngân hàng địa phủ”, chỉ để lộ ra số mệnh giá tiền giống tiền thật. Đến ngày 04/9/2020 (tức ngày 17/7/2020 âm lịch), tại nhà trọ P.Y thuộc khu phố 01, phường B, thị xã L, Đ gọi điện hẹn gặp đưa cho N cọc tiền âm phủ mang về cho yên tâm, Đ dặn “Đây là cọc tiền 100.000.000 đồng, không được gỡ ra xài, chờ Đ lên cúng mới được gỡ ra xài”. N mang tiền về phát hiện không phải tiền thật nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã La Gi giao nộp xấp tiền trên và trình báo sự việc. Sau đó Nh, L và V lần lượt lên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã La Gi tố cáo hành vi của Đ và H.

Ngày 17/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã La Gi đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Thu H, đã thu giữ của Đ 01 cuốn sổ tay; 01 mẫu giấy vở học sinh có dòng chữ “tiền này giữ đó hết tháng cô hồn lấy ra cúng cho gia đạo bình an” và 01 tờ giấy thể hiện Đ mượn tiền của Nguyễn Thị Thanh V.

Quá trình điều tra, Đ và H đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

Về vật chứng vụ án: 01 cuốn sổ tay gồm 17 tờ; 01 mảnh giấy mặt ngoài màu vàng và 01 mẫu giấy học sinh (kèm theo hồ sơ vụ án). Riêng 01 xấp tiền âm phủ gồm 706 tờ, một mặt in hình hòn đá trống mái, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ”, chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG” và số “200.000”, một mặt in hình nhà kiểu tòa tháp,

có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ” và chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG” hiện Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi quản lý.

Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ đã tác động gia đình bồi thường cho Nguyễn Thanh N 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), Nguyễn Thanh L 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), Nguyễn Thị Thanh Nh 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và Nguyễn Thị Thanh V 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Các bị hại đã nhận đủ tiền, không yêu cầu Đ và H bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho Đ và H.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi cùng truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

*Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H cùng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

*Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

*Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ, từ 07 – 08 năm tù ;

*Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự.

*Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H, từ 07 – 08 năm tù;

* Về xử lý vật chứng: 01 cuốn sổ tay gồm 17 tờ; 01 mảnh giấy mặt ngoài màu vàng và 01 mẫu giấy học sinh, lưu giữ kèm hồ sơ vụ án.

Đối với 01 xấp tiền âm phủ gồm 706 tờ, một mặt in hình hòn đá trống mái, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ”, chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG” và số “200.000”, một mặt in hình nhà kiểu tòa tháp, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ” và chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG”, không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, bản Cáo Trạng của Viện kiểm sát; đồng ý với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đối đáp. Đ và H thành khẩn, ăn năn, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã La Gi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Các Bị hại; Người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt; Riêng những Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo là đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người trên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã khai đầy đủ thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về nội dung: Xét thấy, lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng tháng 02/2020, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Thu H đã dùng thủ đoạn gian dối nói rằng mình trúng 10 tờ vé số giải độc đắc với số tiền 20.000.000.000 đồng (hai mươi tỉ đồng) đã lấy tiền thưởng về chôn cất ở nhà trọ và ở ngã ba Núi Đ (thuộc xã T, thị xã L) nhưng cần phải đi cúng ơn trên mới được lấy tiền ra sử dụng nhưng do chưa có tiền đi cúng, đồng thời hứa hẹn với Nguyễn Thanh N, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Thanh Nh và Nguyễn Thị Thanh V, sau khi cúng ơn trên lấy được tiền ra sẽ trả lại tiền và cho thêm tiền mua đất, xây nhà, ổn định cuộc sống. Tin tưởng Đ và H trúng số độc đắc thật nên từ tháng 02 đến tháng 6/2020, Đ và H đã vay mượn, chiếm đoạt của vợ chồng Nguyễn Thanh N 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), vợ chồng L 155.000.000 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu đồng), vợ chồng Nh 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) và V 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Tổng số tiền Đ và H chiếm đoạt của các bị hại là 453.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi ba triệu đồng). Như vậy hành vi này của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo Trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi truy tố đối với các bị cáo

Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đánh giá vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, bị cáo Đ là người khởi xướng và thực hành, bị cáo H là người thực hành và giúp sức tích cực. Vì vậy bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án này, còn bị cáo H đồng phạm với vai trò giúp sức và thực hành, các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm với tổng số tiền chiếm đoạt 453.000.000 đồng.

[5] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, nhẹ dạ, cả tin trong quản lý tài sản của các bị hại, đặc biệt bị cáo H lợi dụng lòng tin chị em ruột thịt trong gia đình, dùng thủ đoạn gian dối chính ngay những người thân của bị cáo để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự của địa phương, và tạo dư luận xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Nguyễn Thị Thu H đều phạm tội thuộc trường hợp phạm tội từ 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục hậu quả, nhân thân tốt, và được phía bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân tốt, và được phía bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì thỏa mãn tiêu xài cá nhân mà các bị cáo bất chấp, xem thường pháp luật, xem thường đạo lý, tạo dư luận xấu, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải tạo, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

01 cuốn sổ tay gồm 17 tờ; 01 mảnh giấy mặt ngoài màu vàng và 01 mẫu giấy học sinh được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Riêng đối với 01 xấp tiền âm phủ gồm 706 tờ, một mặt in hình hòn đá trống mái, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ”, chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG” và số “200.000”, một mặt in hình nhà kiểu tòa tháp, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ” và chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG”, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/02/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã La Gi và Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi).

[10] Về dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn Đ tác động gia đình đã bồi thường cho vợ chồng Nguyễn Thanh N 30.000.000 đồng, vợ chồng Nguyễn Thanh L 80.000.000 đồng, vợ chồng Nguyễn Thị Thanh Nh 110.000.000 đồng và Nguyễn Thị Thanh V 18.000.000 đồng. Các bị hại đã nhận đủ số tiền trên, nay không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với Lê Minh P, được bị cáo H đưa số tiền 20.000.000 đồng làm đám cưới, P không biết đây là tiền do H phạm tội mà có nên Cơ Quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với P là phù hợp.

[12] Về án phí: Bị cáo Đ, bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H (Gái phệ, Hằng) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **08 (tám) năm tù**; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (17/9/2020).

- Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H **07 (bảy) năm tù**; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (17/9/2020).

3. Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 xấp tiền âm phủ gồm 706 tờ, một mặt in hình hòn đá trống mái, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ”, chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG” và số “200.000”, một mặt in hình nhà kiểu tòa tháp, có in chữ “NGÂN HÀNG ĐỊA PHỦ” và chữ “HAI TRĂM NGHÌN ĐỒNG” (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/02/2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã La Gi và Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;
- Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (**29/4/2021**). Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. La Gi;
- Chi cục THADS tx. La Gi;
- Công an tx. La Gi;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng

